TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Minh Sinh.

Ông Nguyễn Văn Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tang, Fu - H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Lộc M, khóm 2, phường M2, khu V, thành phố Đ, Đài Loan;

- *Bị đơn:* Bà Nình Din P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: xã P, huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;

(Ông Tang, Fu – H, bà Nình Din P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 23/9/2019, nguyên đơn ông Tang, Fu – H trình bày:

Ông và bà Nình Din P quen biết và tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 ngày 17/8/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau khá hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2018 về sau do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, công việc và cả

nơi cư trú do bà P sống ở Việt Nam còn ông thì sinh sống tại Đài Loan, không đồng ý về Việt Nam để cùng sống chung với bà P. Dẫn đến vợ chồng ông thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không thể hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông và bà P đã chấm dứt liên lạc và sống ly thân cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nình Din P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện địa lý xa xôi, ông đang cư trú tại Đài Loan và bận công việc riêng, không thể sang Việt Nam, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

- Theo bản tự khai ngày 24/10/2019, bị đơn bà Nình Din P trình bày:

Bà và ông Tang, Fu -H quen biết nhau và quyết định tự nguyện đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 ngày 17/8/2016. Do tính cách của vợ chồng không hợp, có sự khác biệt về quan điểm sống, ngôn ngữ, công việc, nơi cư trú nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nên không thể hòa giải, hàn gắn tình cảm. Bà và ông Tang, Fu -H đã sống ly thân, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án chấp thuận cho bà và ông Tang, Fu -H được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhận: Quan hệ hôn nhân giữa ông Tang, Fu -H và bà Nình Din P là hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 ngày 17/8/2016.

Ông Tang, Fu -H và bà Nình Din P đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, xa cách nơi ở, ngôn ngữ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị: Cho ông Tang, Fu -H được ly hôn với bà Nình Din P; Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Tang, Fu - H và bị đơn bà Nình Din P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Tang, Fu -H và bà Nình Din P tự nguyện kết hôn vào năm 2016, được Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 ngày 17/8/2016. Hôn nhân của Ông Tang, Fu -H và bà Nình Din P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Tang, Fu - H yêu cầu ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Ông Tang, Fu -H và bà Nình Din P đều trình bày sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống khá hạnh phúc nhưng về sau do không cùng chung sống với nhau, bà Nình Din P sinh sống ở Việt Nam còn ông Tang, Fu - H trở về sống tại Đài Loan. Vợ chồng sống xa cách nhau nên không thể quan tâm, chăm sóc nhau và do bất đồng về ngôn ngữ, tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tang, Fu – H và bà Nình Din P.

[3.2] Về con chung: Ông Tang, Fu – H và bà Nình Din P đều trình bày không có và không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tang, Fu – H và bà Nình Din P đều trình bày không có và không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Tang, Fu - H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 238, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 469, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tang, Fu – H và bà Nình Din P

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tang, Fu – H được ly hôn với bà Nình Din P.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Tang, Fu - H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp tại biên lai số 0003564 ngày 10/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí ông Tang, Fu - H phải chịu.

Ông Tang, Fu - H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, bà Nình Din P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND huyện Đ1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Long Châu